

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 11/02/2025 của UBND Thành phố về việc rà soát, đánh giá đơn giản hóa TTHC, xây dựng quy trình liên thông giải quyết TTHC trên địa bàn Thành phố năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 102/TTr-SNNMT ngày 28 /3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa 34 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan triển khai phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật tại Quyết định này.

2. Giao Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố tham mưu UBND Thành phố trong công tác đôn đốc và phối hợp, hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội và các cơ quan liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế các Quyết định: số 2590/QĐ-UBND ngày 14/6/2021, số 4202/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm PV HCC;
- VPUBTP: CVP, PCVP N.M.Quân, các phòng: NC, KT, NN&MT, HC-QT, Trung tâm TTĐT;
- Lưu: VT, NC (Nga).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Đông

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NỘI

(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

I. Lĩnh vực Nông nghiệp: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 03 TTHC, đề xuất đơn giản hóa (giảm thời gian giải quyết) đối với 03/03 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 03 ngày.

1. Phê duyệt kế hoạch Khuyến nông

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 60 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 02 ngày (giảm 3,33% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 25 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

2. Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 18 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 5,56% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

3. Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 18 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 5,56% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 6 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

II. Lĩnh vực Bảo hiểm nông nghiệp: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 02 TTHC, đề xuất đơn giản hóa (giảm thời gian giải quyết) đối với 02 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 02 ngày

1. Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 30 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày (giảm 3,33% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

2. Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 30 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày (3,33% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 6 Điều 27 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

III. Lĩnh vực Thú y: Tổng số 11 TTHC, đề xuất đơn giản hóa (*giảm thời gian giải quyết*) đối với 01/11 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 02 ngày làm việc.

1. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là: 05 ngày làm việc để thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký biết để hoàn thiện đối với những trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu; 10 ngày cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thêm 02 ngày làm việc đối với trường hợp thông báo cho tổ chức cá nhân biết để hoàn thiện đối với những trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu (40% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 43 Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/06/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

IV. Lĩnh vực Chăn nuôi: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 07 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (*giảm thời gian giải quyết*) đối với 04/07 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 04 ngày làm việc.

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng. (*Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến*)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 28 ngày làm việc (thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (3,57% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 4; Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (Đối với hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 08 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày làm việc (12,5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 4; Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

3. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (Đối với hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 28 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày làm việc (3,57% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 4; Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

4. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (Đối với hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 08 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày làm việc (12,5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 4; Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

V. Lĩnh vực Thủy sản: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 09 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 06/09 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 08 ngày làm việc.

1. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 60 ngày (*Tại bước thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng*), thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày (1,67% thời gian).

b) Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 60 ngày (*Tại bước thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng*). Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản), thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày (giảm 1,67% thời gian).

b) Đề nghị sửa đổi Điểm b, Khoản 5, Điều 5 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

3. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 13 ngày làm việc trong trường hợp cấp mới, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thêm 02 ngày làm việc (giảm 15,38% thời gian).

b) Đề nghị sửa đổi Điểm a, Khoản 4, Điều 21 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

4. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thêm 02 ngày làm việc (giảm 20% thời gian).

b) Đề nghị sửa đổi Điểm b, Khoản 3, Điều 35 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

5. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 13 ngày làm việc trong trường hợp cấp mới, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 7,7% về thời gian thực hiện).

b) Đề nghị sửa đổi Khoản 4, Điều 28 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản.

6. Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 07 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 14,29% về thời gian thực hiện).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2, Điều 39 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

VI. Lĩnh vực Thủy lợi, Phòng chống thiên tai: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 25 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 05/25 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 03 ngày làm việc.

1. Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 0,5 ngày làm việc (giảm 5% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do

chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 03 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 0,5 ngày làm việc (giảm 16,67% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

3. Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 15 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 6,67% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

4. Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 07 ngày làm việc, thực tế có thể rút ngắn được 0,5 ngày làm việc (giảm 7,14% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2 điều 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

5. Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định thực hiện tối đa là 12 ngày làm việc thực tế có thể rút ngắn được 0,5 ngày làm việc (giảm 10% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2 điều 13 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

VII. Lĩnh vực Lâm nghiệp, Kiểm lâm: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 22 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 05/22 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 05 ngày làm việc.

1. Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là: 15 ngày đối với nộp trực tiếp, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày (giảm 6,66% thời gian giải quyết).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 2 điều 31 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ.

2. Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 28 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày (giảm 3,57% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 8 Điều 1 Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững

3. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 45 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày (giảm 2,22% thời gian).

b. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm 4 khoản 10 điều 1, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ “sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

4. Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 45 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày (giảm 2,22% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm 4 khoản 6 điều 1, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ “sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

5. Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 55 ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được thành 01 ngày làm việc (1,81% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ “sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp”.

VIII. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 06 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 01/06 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 01 ngày làm việc.

1. Công nhận làng nghề truyền thống

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 30 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (3,33% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.

IX. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 07 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 05/07 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 08 ngày làm việc.

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 13 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (7,69% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (Áp dụng đối với trường hợp thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 13 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (7,69% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 17 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

3. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật.

a) Nội dung đơn giản hóa: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 04 ngày làm việc (40% thời gian).

- Thời gian thực hiện: Giảm 04 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 04 ngày làm việc (40% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 62 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 16 ngày làm việc (trường hợp đánh giá thực tế đạt yêu cầu), thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 6,25% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 35 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc Bảo vệ thực vật.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 16 ngày làm việc (trường hợp đánh giá thực tế đạt yêu cầu), thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc (giảm 6,25% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 35 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý thuốc Bảo vệ thực vật.

X. Lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 02 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 01/02 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 02 giờ làm việc.

1. Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành

a. Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 giờ so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 5 ngày làm việc (40 giờ) (đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ theo quy định), thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 02 giờ (5 % thời gian).

b. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 15 Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

XIII. Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: Tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: 01 TTHC, đề xuất đơn giản hóa giải quyết (giảm thời gian giải quyết) đối với 01/01 TTHC, tổng số thời gian rút ngắn: 0,5 ngày làm việc.

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian thực hiện: Giảm 0,5 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 0,5 ngày (giảm 3,33% thời gian).

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 2, điều 36 Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2020.